

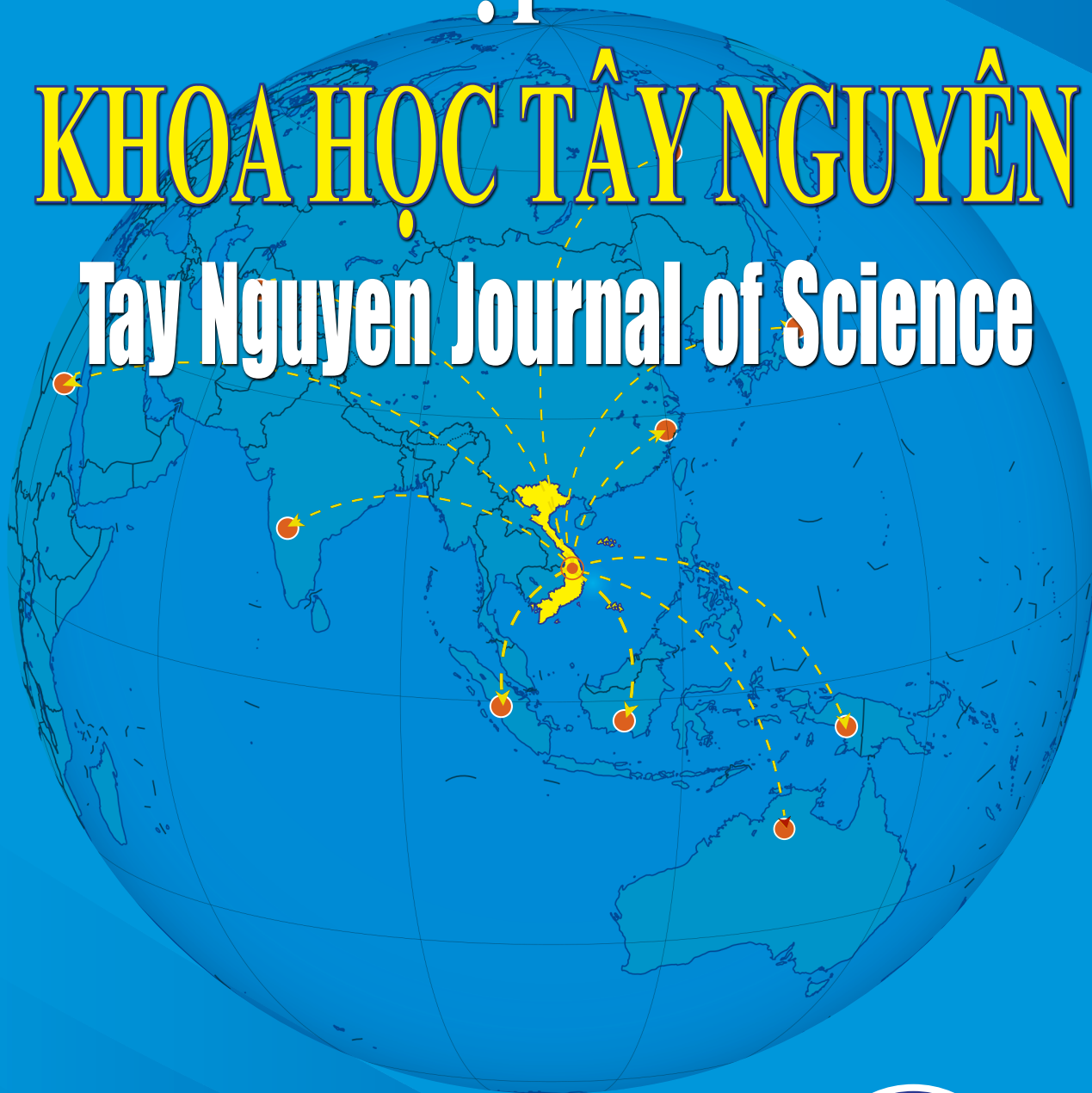


p-ISSN 2815-648X
p-ISSN 1859-4611
e-ISSN 3030-4717

Tạp chí

KHOA HỌC TÂY NGUYÊN

Tay Nguyen Journal of Science



SÁNG TẠO - CHẤT LƯỢNG - HỘI NHẬP

Tập 19

Số 2
Tháng 04-2025

Vol 19 • No 2, April of 2025

TẠP CHÍ KHOA HỌC TÂY NGUYÊN

TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Lê Đức Niêm

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Nguyễn Văn Nam

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

GS.TS. Nguyễn Anh Dũng

ỦY VIÊN

GS.TS. San-Lang Wang	I Đại học Tamkang, Đài Loan
GS.TS. Lê Thị Thanh Nhân	I Bộ Giáo Dục và Đào tạo
GS.TS. Trương Bá Thanh	I Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng
GS.TS. Lê Đức Ngoan	I Trường Đại học Nông lâm, Đại học Huế
GS.TS. Đinh Quang Khiếu	I Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
GS.TS. Đặng Tuấn Đạt	I Trường Đại học Y Dược Buôn Ma Thuật
PGS.TS. Đặng Hà Việt	I Cục Thể dục Thể thao, Bộ Văn hóa Thông tin và Du lịch
PGS.TS. Đoàn Thị Tâm	I Trường Đại học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh
PGS.TS. Buôn Krông Thị Tuyết Nhung	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Hương	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Trần Quang Hạnh	I Trường Đại học Tây Nguyên
PGS.TS. Phan Văn Trọng	I Trường Đại học Tây Nguyên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ - PHỤ TRÁCH TRỊ SỰ

TS. Nguyễn Đình Sỹ | Phòng KH&QHQT

THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

CN. Y Zina Ksor | Phòng KH&QHQT

ThS. Trần Thị Minh Hà | Phòng KH&QHQT

KS. Lê Thụy Vân Nhi | Phòng KH&QHQT

TS. Dương Quốc Huy | Khoa KHTN&CN

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN

Phòng Khoa học & Quan hệ Quốc tế, trường Đại học Tây Nguyên

567 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: (84) 262.3853.276 Fax: (84) 262.3825.184

E-mail: tapchikhoahocdhtn@ttn.edu.vn | Website: <https://tnjos.vn>

p-ISSN 1859-4611 & 2815-648X/ e-ISSN 3030-4717

Giấy phép hoạt động báo chí in số 197/GP-BTTTT,

do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 06/6/2023

In 50 quyển, khổ 20x29cm. In tại Công ty TNHH một thành viên In Đắk Lắk,

45 Nguyễn Tất Thành, thành phố Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2025.



TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
TAY NGUYEN UNIVERSITY

Tạp chí **KHOA HỌC** **TÂY NGUYÊN**

Tay Nguyen Journal of Science

p-ISSN 1859-4611 & 2815-648X/ e-ISSN 2815-6471

Tập 19 - Số 2, tháng 04 năm 2025
Vol 19 - No 2, April of 2025

MỤC LỤC	TABLE OF CONTENTS	Tr./ pp.
KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ	NATURAL SCIENCES AND TECHNOLOGY	
1. Ảnh hưởng của phương pháp chưng cất tinh dầu đến thành phần hóa học và khả năng ức chế một số enzyme của tinh dầu gừng gió (<i>Zingiber zerumbet</i>) được trồng tại thành phố Buon Ma Thuot	Effects of essential oil distillation method on the chemical composition and enzyme inhibitory activity of <i>Zingiber zerumbet</i> essential oil cultivated in Buon Ma Thuot city	
<i>Nguyễn Thị Thanh, Bùi Thị Quỳnh Hoa, Đoàn Mạnh Dũng, Đoàn Chiến Thắng, Vũ Bích Thủy & Nguyễn Bằng Phương</i>	<i>Nguyen Thi Thanh, Bui Thi Quynh Hoa, Doan Manh Dung, Doan Chien Thang, Vu Bích Thủy & Nguyen Bang Phuong</i>	1
2. Tái sử dụng phụ phẩm đậu nành trong sản xuất sinh khối <i>Bacillus amyloliquefaciens</i> và đánh giá tiềm năng chống nấm <i>Fusarium</i>	Reutilization of soybean by-product for biomass production of <i>Bacillus amyloliquefaciens</i> and evaluation of its antifungal potential against <i>Fusarium</i>	
<i>Trần Thị Hà Trang, Ngô Văn Anh, Nguyễn Văn Bốn & Nguyễn Anh Dũng</i>	<i>Tran Thi Ha Trang, Ngo Van Anh, Nguyen Van Bon & Nguyen Anh Dung</i>	13
3. Bất đẳng thức kiểu Hermite-Hadamard cho tích của hai hàm (p, h) -lồi	Hermite-Hadamard-type inequalities for product of two (p, h) -convex functions	
<i>Lê Bá Thông & Nguyễn Ngọc Huệ</i>	<i>Le Ba Thong & Nguyen Ngoc Hue</i>	22
KHOA HỌC SỨC KHỎE	HEALTH SCIENCES	
4. Hiệu quả điều trị đau dây thần kinh tọa bằng phương pháp kết hợp điện châm huyết Giáp tích L1-L5 tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk	The effect of electroacupuncture at the Jiaji points L1-L5 on treating sciatic nerve pain at the Dak Lak Traditional Medicine Hospital	
<i>Lê Thị Mơ & Phạm Ngọc Liễu</i>	<i>Le Thi Mo & Pham Ngoc Lieu</i>	31
5. Tỷ lệ kháng Rifampicin và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân mắc lao phổi Xpert dương tại Bệnh viện phổi Đắk Lắk	Prevalence of Rifampicin resistance and associated factors among Xpert-positive pulmonary tuberculosis patients at Dak Lak Tuberculosis and Lung diseases Hospital	
<i>Trịnh Bá Hùng Mạnh</i>	<i>Trinh Ba Hung Manh</i>	38
6. Đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến mức độ nặng của viêm phổi ở trẻ em tại bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên	Clinical characteristics and associated factors of severe pneumonia in children at the Central Highlands Regional General Hospital	
<i>Nguyễn Thị Thúy Hằng</i>	<i>Nguyen Thi Thuy Hang</i>	46
7. Đánh giá kết quả thay khớp gối toàn phần không tái tạo mặt khớp bánh chè tại Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên	Evaluation of outcomes of Total Knee Arthroplasty without patellar resurfacing at the Central Highlands Regional General Hospital	
<i>Nguyễn Minh Trực, Trịnh Duy Khánh & Nguyễn Ngọc Thiện</i>	<i>Nguyen Minh Truc, Trinh Duy Khanh & Nguyen Ngoc Thien</i>	52
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES	
8. Tác động của doanh nghiệp kiểm toán chuyên gia đến tính kịp thời của báo cáo tài chính bán niên ngành ngân hàng tại Việt Nam	Impact of industry specialist auditors on the timeliness of interim financial reports in Vietnamese banks	
<i>Phạm Thanh Hùng, Nguyễn Thị Trà Giang, Bùi Thị Thanh Thùy & Võ Xuân Hội</i>	<i>Pham Thanh Hung, Nguyen Thi Tra Giang, Bui Thi Thanh Thuy & Vo Xuan Hoi</i>	59
9. Nhận thức của giáo viên trung học phổ thông về việc sử dụng ChatGPT trong việc tạo bài kiểm tra đọc hiểu tiếng Anh cho học sinh lớp 10	High school teachers' perceptions of using ChatGPT for designing English reading comprehension tests for tenth-grade students	
<i>Hoàng Hồng Phương & Lê Thị Hạ Quỳnh</i>	<i>Hoang Hong Phuong & Le Thi Ha Quynh</i>	67

- | | | |
|--|--|------------|
| <p>10. Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả làm việc nhóm của sinh viên Trường Du lịch - Đại học Huế
Đặng Thị Tuyết Ngọc, Lê Thị Thanh Giao & Đoàn Khánh Hưng</p> | <p>Factors affecting the effectiveness of students' teamwork at the School of Hospitality and Tourism, Hue University
Dang Thi Tuyen Ngoc, Le Thi Thanh Giao & Doan Khanh Hung</p> | <p>76</p> |
| <p>11. Thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên trường Đại học Tây Nguyên
Vũ Minh Chiến & Nguyễn Thị Thanh Vân</p> | <p>The current status of morality and lifestyle among students at Tay Nguyen University
Vu Minh Chien & Nguyen Thi Thanh Van</p> | <p>87</p> |
| <p>12. Ảnh hưởng của văn hoá doanh nghiệp đến sự gắn bó của nhân viên làm việc tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực 7
Phan Thị Xuân Hương & Đỗ Nguyễn Quỳnh Lam</p> | <p>The influence of corporate culture on employee commitment at the Mobifone service company region 7
Phan Thi Xuan Huong & Do Nguyen Quynh Lam</p> | <p>94</p> |
| <p>13. Ảnh hưởng của văn hoá truyền thống trong tiểu thuyết Mạc Ngôn
Phan Thị Tâm Thanh</p> | <p>The influence of traditional culture in Mo Yan's novels
Phan Thi Tam Thanh</p> | <p>109</p> |
| <p>14. Giáo dục đạo đức môi trường cho sinh viên theo quan điểm của triết học Mác – Lênin
Phạm Thị Tâm</p> | <p>Environmental ethics education for students from the perspective of Marxist-Leninist philosophy
Pham Thi Tam</p> | <p>116</p> |
| <p>15. Chất lượng dịch vụ giao hàng chặng cuối đến sự hài lòng của khách hàng thương mại điện tử tại Bình Định
Kiều Thị Hương, Lê Nhật Hằng, Dương Thị Nhớ, Lê Thị Mỹ Quyên, Phan Ngọc Vi & Nguyễn Châu Duyên</p> | <p>The impact of last-mile delivery service quality on e-commerce customer satisfaction in Binh Dinh
Kieu Thi Huong, Le Nhat Hang, Duong Thi Nho, Le Thi My Quyen, Phan Ngoc Vi & Nguyen Chau Duyen</p> | <p>122</p> |



TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN
TAY NGUYEN UNIVERSITY

Tạp chí **KHOA HỌC** **TÂY NGUYÊN**

Tay Nguyen Journal of Science

p-ISSN 1859-4611 & 2815-648X/ e-ISSN 2815-6471

Tập 19 - Số 2, tháng 04 năm 2025
Vol 19 - No 2, April of 2025

MỤC LỤC	TABLE OF CONTENTS	Tr./ pp.
KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ	NATURAL SCIENCES AND TECHNOLOGY	
1. Ảnh hưởng của phương pháp chưng cất tinh dầu đến thành phần hóa học và khả năng ức chế một số enzyme của tinh dầu gừng gió (<i>Zingiber zerumbet</i>) được trồng tại thành phố Buon Ma Thuot	Effects of essential oil distillation method on the chemical composition and enzyme inhibitory activity of <i>Zingiber zerumbet</i> essential oil cultivated in Buon Ma Thuot city	
Nguyễn Thị Thanh, Bùi Thị Quỳnh Hoa, Đoàn Mạnh Dũng, Đoàn Chiến Thắng, Vũ Bích Thủy & Nguyễn Bằng Phương	Nguyen Thi Thanh, Bui Thi Quynh Hoa, Doan Manh Dung, Doan Chien Thang, Vu Bích Thủy & Nguyen Bang Phuong	1
2. Tái sử dụng phụ phẩm đậu nành trong sản xuất sinh khối <i>Bacillus amyloliquefaciens</i> và đánh giá tiềm năng chống nấm <i>Fusarium</i>	Reutilization of soybean by-product for biomass production of <i>Bacillus amyloliquefaciens</i> and evaluation of its antifungal potential against <i>Fusarium</i>	
Trần Thị Hà Trang, Ngô Văn Anh, Nguyễn Văn Bốn & Nguyễn Anh Dũng	Tran Thi Ha Trang, Ngo Van Anh, Nguyen Van Bon & Nguyen Anh Dung	13
3. Bất đẳng thức kiểu Hermite-Hadamard cho tích của hai hàm (p, h) -lồi	Hermite-Hadamard-type inequalities for product of two (p, h) -convex functions	
Lê Bá Thông & Nguyễn Ngọc Huệ	Le Ba Thong & Nguyen Ngoc Hue	22
KHOA HỌC SỨC KHỎE	HEALTH SCIENCES	
4. Hiệu quả điều trị đau dây thần kinh tọa bằng phương pháp kết hợp điện châm huyết Giáp tích L1-L5 tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk	The effect of electroacupuncture at the Jiaji points L1-L5 on treating sciatic nerve pain at the Dak Lak Traditional Medicine Hospital	
Lê Thị Mơ & Phạm Ngọc Liễu	Le Thi Mo & Pham Ngoc Lieu	31
5. Tỷ lệ kháng Rifampicin và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân mắc lao phổi Xpert dương tại Bệnh viện phổi Đắk Lắk	Prevalence of Rifampicin resistance and associated factors among Xpert-positive pulmonary tuberculosis patients at Dak Lak Tuberculosis and Lung diseases Hospital	
Trịnh Bá Hùng Mạnh	Trinh Ba Hung Manh	38
6. Đặc điểm lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến mức độ nặng của viêm phổi ở trẻ em tại bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên	Clinical characteristics and associated factors of severe pneumonia in children at the Central Highlands Regional General Hospital	
Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nguyen Thi Thuy Hang	46
7. Đánh giá kết quả thay khớp gối toàn phần không tái tạo mặt khớp bánh chè tại Bệnh viện Đa khoa Vùng Tây Nguyên	Evaluation of outcomes of Total Knee Arthroplasty without patellar resurfacing at the Central Highlands Regional General Hospital	
Nguyễn Minh Trực, Trịnh Duy Khánh & Nguyễn Ngọc Thiện	Nguyen Minh Truc, Trinh Duy Khanh & Nguyen Ngoc Thien	52
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES	
8. Tác động của doanh nghiệp kiểm toán chuyên gia đến tính kịp thời của báo cáo tài chính bán niên ngành ngân hàng tại Việt Nam	Impact of industry specialist auditors on the timeliness of interim financial reports in Vietnamese banks	
Phạm Thanh Hùng, Nguyễn Thị Trà Giang, Bùi Thị Thanh Thùy & Võ Xuân Hội	Pham Thanh Hung, Nguyen Thi Tra Giang, Bui Thi Thanh Thuy & Vo Xuan Hoi	59
9. Nhận thức của giáo viên trung học phổ thông về việc sử dụng ChatGPT trong việc tạo bài kiểm tra đọc hiểu tiếng Anh cho học sinh lớp 10	High school teachers' perceptions of using ChatGPT for designing English reading comprehension tests for tenth-grade students	
Hoàng Hồng Phương & Lê Thị Hạ Quỳnh	Hoang Hong Phuong & Le Thi Ha Quynh	67

- | | | |
|--|--|------------|
| <p>10. Các nhân tố ảnh hưởng tới hiệu quả làm việc nhóm của sinh viên Trường Du lịch - Đại học Huế
Đặng Thị Tuyết Ngọc, Lê Thị Thanh Giao & Đoàn Khánh Hưng</p> | <p>Factors affecting the effectiveness of students' teamwork at the School of Hospitality and Tourism, Hue University
Dang Thi Tuyet Ngoc, Le Thi Thanh Giao & Doan Khanh Hung</p> | <p>76</p> |
| <p>11. Thực trạng đạo đức, lối sống của sinh viên trường Đại học Tây Nguyên
Vũ Minh Chiến & Nguyễn Thị Thanh Vân</p> | <p>The current status of morality and lifestyle among students at Tay Nguyen University
Vu Minh Chien & Nguyen Thi Thanh Van</p> | <p>87</p> |
| <p>12. Ảnh hưởng của văn hoá doanh nghiệp đến sự gắn bó của nhân viên làm việc tại công ty dịch vụ Mobifone khu vực 7
Phan Thị Xuân Hương & Đỗ Nguyễn Quỳnh Lam</p> | <p>The influence of corporate culture on employee commitment at the Mobifone service company region 7
Phan Thi Xuan Huong & Do Nguyen Quynh Lam</p> | <p>94</p> |
| <p>13. Ảnh hưởng của văn hoá truyền thống trong tiểu thuyết Mạc Ngôn
Phan Thị Tâm Thanh</p> | <p>The influence of traditional culture in Mo Yan's novels
Phan Thi Tam Thanh</p> | <p>109</p> |
| <p>14. Giáo dục đạo đức môi trường cho sinh viên theo quan điểm của triết học Mác – Lênin
Phạm Thị Tâm</p> | <p>Environmental ethics education for students from the perspective of Marxist-Leninist philosophy
Pham Thi Tam</p> | <p>116</p> |
| <p>15. Chất lượng dịch vụ giao hàng chặng cuối đến sự hài lòng của khách hàng thương mại điện tử tại Bình Định
Kiều Thị Hương, Lê Nhật Hằng, Dương Thị Nhớ, Lê Thị Mỹ Quyên, Phan Ngọc Vi & Nguyễn Châu Duyên</p> | <p>The impact of last-mile delivery service quality on e-commerce customer satisfaction in Binh Dinh
Kieu Thi Huong, Le Nhat Hang, Duong Thi Nho, Le Thi My Quyen, Phan Ngoc Vi & Nguyen Chau Duyen</p> | <p>122</p> |

TÁC ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN CHUYÊN GIA ĐẾN TÍNH KỊP THỜI CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁN NIÊN NGÀNH NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

Phạm Thanh Hùng¹, Nguyễn Thị Trà Giang¹, Bùi Thị Thanh Thùy¹, Võ Xuân Hội¹

Ngày nhận bài: 01/11/2024; Ngày phản biện thông qua: 11/02/2025; Ngày duyệt đăng: 01/04/2025

TÓM TẮT

Nghiên cứu này kiểm tra tác động của Doanh nghiệp kiểm toán (DNKT) chuyên gia đến tính kịp thời của Báo cáo tài chính (BCTC) bán niên tại 27 ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam giai đoạn 2014 - 2023. Kết quả thực nghiệm dựa trên ước lượng GMM hệ thống (System Generalized Method of Moments) cho thấy rằng DNKT chuyên gia có tác động cùng chiều đến tính kịp thời của BCTC bán niên. Ngoài ra, các yếu tố như thời gian hoàn thành BCTC kỳ trước, quy mô tổng tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh cũng góp phần cải thiện tính kịp thời. Nghiên cứu cũng đưa ra được một số gợi ý đối với các nhà quản lý ngân hàng trong việc cải thiện tính kịp thời của BCTC bán niên cũng như gợi ý đối với các nhà đầu tư khi xem xét các ngân hàng chậm trễ trong việc công bố BCTC bán niên.

Từ khóa: *Doanh nghiệp kiểm toán chuyên gia, ngân hàng thương mại, tính kịp thời.*

1. MỞ ĐẦU

Các thông tin trong BCTC nói chung và BCTC bán niên nói riêng là rất quan trọng đối với các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán và những người sử dụng tài liệu này. Do đó, việc hoàn thành BCTC bán niên cần phải được thực hiện nhanh chóng và kịp thời. Theo quy định hiện hành, thời hạn nộp BCTC bán niên được soát xét của các ngân hàng thương mại (NHTM) cho cơ quan quản lý chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. Nội dung này đã được quy định tại Điều 7 Chế độ báo cáo tài chính đối với tổ chức tín dụng được ban hành kèm theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN, được sửa đổi bởi khoản 5 Điều 1 trong Thông tư 49/2014/TT-NHNN.

Trên thế giới, tác động của DNKT chuyên gia đến tính kịp thời của BCTC đã được tìm thấy trong các nghiên cứu của Habib và Bhuiyan (2011), Ahmad và các cộng sự (2016). Cả hai nghiên cứu trên đều tìm thấy bằng chứng thể hiện các công ty được kiểm toán bởi các DNKT chuyên gia sẽ có thời gian hoàn thành BCTC nhanh hơn so với các trường hợp các công ty được kiểm toán bởi các DNKT không phải là chuyên gia. Tuy vậy, kết quả nghiên cứu của Abidin và Ahmad-Zaluki (2012) lại chỉ ra rằng không có sự tác động của DNKT chuyên gia đối với tính kịp thời của BCTC. Tại Việt Nam, chủ đề này được tìm thấy trong công bố của tác giả Phạm Ngọc Toàn (2016). Trong công bố của mình, tác giả Phạm Ngọc Toàn (2016) tìm thấy bằng chứng về sự tác động thuận chiều của loại BCTC riêng lẻ, lợi nhuận kinh doanh, loại công ty kiểm toán thuộc nhóm Big4 và đòn bẩy tài chính đến tính kịp thời của BCTC. Ngược lại, quy mô công ty và ngành nghề kinh doanh có tác động

ngược chiều đến tính kịp thời của BCTC. Một nghiên cứu khác tại Việt Nam của tác giả Đoàn Thị Cẩm Thư (2018) cho thấy tỷ suất lợi nhuận trên vốn sở hữu (ROE), sự tăng lên của lợi nhuận, và loại ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có tác động cùng chiều đến tính kịp thời của báo cáo tài chính, trong khi đó, các nhân tố loại báo cáo tài chính hợp nhất và loại công ty niêm kiểm toán có tác động ngược chiều đến tính kịp thời của báo cáo tài chính. Cả hai nghiên cứu của Phạm Ngọc Toàn (2016) và Đoàn Thị Cẩm Thư (2018) đều sử dụng dữ liệu thu thập từ BCTC của các công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam và phương pháp ước lượng hồi quy FEM hoặc REM. Từ kết quả khảo lược các nghiên cứu trước, khoảng trống nghiên cứu được đặt ra là các nghiên cứu trước đây tại Việt Nam chưa xem xét về tác động của yếu tố DNKT chuyên gia đến tính kịp thời của BCTC bán niên ngành ngân hàng. Từ đó, câu hỏi nghiên cứu được đặt ra là: “DNKT chuyên gia tác động thế nào đến tính kịp thời của BCTC bán niên ngành ngân hàng?”. Để giải quyết câu hỏi trên, nghiên cứu đưa ra hai mục tiêu như sau: Xem xét yếu tố DNKT chuyên gia tác động như thế nào đến tính kịp thời của BCTC bán niên ngành ngân hàng tại Việt Nam; Đề xuất gợi ý cho các nhà quản lý ngân hàng và các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Khác với các nghiên cứu trước tại Việt Nam, nghiên cứu này được thực hiện đối với BCTC bán niên của ngành ngân hàng. Thêm vào đó, điểm mới của nghiên cứu này còn là việc sử dụng mô hình có biến độc lập dạng trễ của biến phụ thuộc cùng phương pháp ước lượng SGMM. Từ đó, nghiên cứu đã khắc phục được hiện tượng nội sinh

¹Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Phạm Thanh Hùng; ĐT: 0937773988; Email: pthung@ttn.edu.vn

và các khuyết tật khác có khả năng xảy ra trong mô hình hồi quy khi ước lượng dữ liệu dạng bảng động tuyến tính.

Những kết quả được phát hiện ở nghiên cứu này giúp góp phần đóng góp chung vào kho tàng học thuật nghiên cứu về chủ đề các yếu tố ảnh hưởng đến tính kịp thời của BCTC. Thêm vào đó, nghiên cứu này sẽ còn là nguồn tài liệu tham khảo hỗ trợ cho các nhà quản lý ngân hàng trong việc cải thiện tính kịp thời của BCTC bán niên cũng như giúp ích cho các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán khi xem xét các ngân hàng chậm trễ trong việc công bố BCTC bán niên.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu

2.1.1. Nội dung nghiên cứu

Trên cơ sở tìm hiểu tổng quan các nghiên cứu được công bố trên thế giới và tại Việt Nam về chủ đề DNKT chuyên gia tác động đến tính kịp thời của BCTC, nghiên cứu này đề xuất mô hình nghiên cứu, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu để khám phá nội dung DNKT chuyên gia tác động thế nào đến tính kịp thời của BCTC bán niên ngành ngân hàng. Từ đó, nghiên cứu đề xuất gợi ý cho các nhà quản lý ngân hàng và các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán.

2.1.2. Dữ liệu nghiên cứu

Theo số liệu thống kê của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính đến ngày 31/12/2023, cả nước có 35 NHTM đang hoạt động (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 2023). Sau khi loại ra những NHTM

không có đủ dữ liệu phục vụ nghiên cứu, mẫu nghiên cứu gồm 27 ngân hàng. Theo kết quả tổng hợp của nhóm tác giả, tổng tài sản của 27 ngân hàng trong mẫu nghiên cứu chiếm 88% tổng tài sản của toàn bộ hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam vào cuối năm 2023. Vì vậy, mẫu nghiên cứu có thể được xem là đại diện cho ngành ngân hàng Việt Nam. Dữ liệu được tổng hợp dưới dạng bảng và được xử lý bằng phần mềm Stata17 để thực hiện ước lượng hồi quy. Dữ liệu bảng động (panel data) được sử dụng trong nghiên cứu này vì có ưu điểm là kết hợp thông tin từ nhiều đối tượng qua nhiều thời kỳ, giúp phân tích sự biến đổi theo thời gian. Việc sử dụng loại dữ liệu này giúp kiểm soát các yếu tố không quan sát được, cải thiện độ chính xác của mô hình và phân tích tác động dài hạn giữa các biến. Dữ liệu bảng động cũng hỗ trợ so sánh sự khác biệt giữa các đối tượng và xử lý vấn đề thiếu dữ liệu, mang lại cái nhìn chi tiết và đáng tin cậy hơn trong nghiên cứu.

Dữ liệu nghiên cứu được thu thập từ BCTC bán niên của 27 NHTM tại Việt Nam trong giai đoạn 2014 - 2023 từ trang điện tử vietstock.vn và từ trang điện tử của các ngân hàng. Các dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu được nhập vào phần mềm Microsoft Excel và xử lý dữ liệu thô. Các dữ liệu ngoại lai đã được phát hiện và xử lý thông qua lệnh winsor2 trong phần mềm Stata.

Doanh nghiệp kiểm toán (DNKT) được xem là chuyên gia của ngành khi có thị phần được xác định theo công thức (1) có kết quả bằng hoặc lớn hơn 20% (Rahmat và Mohd Iskandar, 2004; Ahmad và các cộng sự, 2016).

$$\text{Thị phần của DNKT trong ngành} = \frac{\text{Số lượng khách hàng của DNKT}}{\text{Tổng số khách hàng trong ngành}} \times 100(\%) \quad (1)$$

Bảng 1. Số lượt kiểm toán BCTC bán niên của các DNKT đã thực hiện đối với các NHTM trong mẫu nghiên cứu giai đoạn 2014 – 2023

Tên DNKT	Số lượt kiểm toán	(%)
E&Y	86	35
KPMG	78	31,7
DELOITTE	31	12,6
DNKT khác	51	20,7
TỔNG	246	100

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Kết quả thống kê ở Bảng 1 cho thấy, có 246 BCTC bán niên của 27 NHTM Việt Nam trong mẫu nghiên cứu đã được kiểm toán trong giai đoạn 2014-2023. Trong giai đoạn này, E&Y đã thực hiện 86 cuộc kiểm toán trên tổng số 246 BCTC bán niên của các NHTM (chiếm 35%), xếp thứ hai

là KPMG với 78 cuộc kiểm toán (chiếm 31,7%), xếp thứ ba là DELOITTE với 31 cuộc kiểm toán (chiếm 12,6%), còn lại là của các DNKT khác. Do vậy, theo cách xác định DNKT chuyên gia trong ngành được đề xuất bởi Rahmat và Mohd Iskandar (2004), Ahmad và các cộng sự (2016) thì E&Y và

KPMG được xem là các DNKT chuyên gia trong ngành ngân hàng tại Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp hồi quy

Theo Baltagi (2008), các phương pháp ước lượng đối với dữ liệu bảng: Bình phương nhỏ nhất (POLS), tác động cố định (FE), và tác động ngẫu nhiên (RE) không giảm thiểu được hiện tượng nội sinh gây ra do tương quan giữa độ trễ của biến phụ thuộc và sai số. Do vậy, phương pháp hồi quy được sử dụng trong nghiên cứu này là SGMM được đề xuất và phát triển bởi Arellano và Bover (1995), Blundell và Bond (1998). Ưu điểm của phương pháp này là khắc phục được các khuyết tật của mô hình: Phương sai sai số thay đổi, tự tương quan và hiện tượng nội sinh. Tuy vậy, phương pháp ước lượng SGMM chỉ cho kết quả hợp lý khi thỏa mãn một số tiêu chuẩn (kiểm định Sargan, kiểm định Hansen, kiểm định tự tương quan, và điều kiện ràng buộc giữa số biến công cụ so với số nhóm quan sát). Các điều kiện này sẽ được xem xét cụ thể trong nội dung kết quả nghiên cứu và thảo luận được trình bày bên dưới.

2.2.2. Giả thuyết nghiên cứu

Theo Habib và Bhuiyan (2011), những công ty được kiểm toán bởi các DNKT được xem là chuyên gia trong ngành sẽ có thời gian hoàn thành BCTC nhanh hơn so với các công ty được kiểm toán bởi

các DNKT không phải là chuyên gia trong ngành. Kết quả được tìm thấy trong nghiên cứu của các tác giả Ahmad et al (2016) cũng ủng hộ cho kết quả nghiên cứu của Habib và Bhuiyan (2011). Dựa trên cơ sở đó, giả thuyết nghiên cứu H1 được đưa ra như sau:

H1: Yếu tố DNKT chuyên gia ảnh hưởng cùng chiều đến tính kịp thời của BCTC bán niên.

2.2.3. Mô hình nghiên cứu

Trên cơ sở tham khảo các mô hình nghiên cứu trước đây của các tác giả Habib và Bhuiyan (2011), Ahmad et al (2016), mô hình hồi quy của nghiên cứu này được đề xuất như sau:

$$TIFR_{it} = \beta_0 + \beta_1 * TIFR_{it-1} + \beta_2 * ISA_{it} + \beta_3 * SIZE_{it} + \beta_4 * PRO_{it} + \beta_5 * LEV_{it} + \epsilon_{it}$$

Trong đó:

TIFR là biến phụ thuộc thể hiện tính kịp thời của BCTC bán niên.

ISA là biến giải thích đại diện cho DNKT chuyên gia

TIFR_{t-1}, SIZE, PRO và LEV là các biến kiểm soát.

Phương pháp đo lường các biến, cơ sở lựa chọn các biến đưa vào mô hình, dấu kỳ vọng của các biến tham khảo từ kết quả của các nghiên cứu trước được diễn giải chi tiết trong bảng 2. và ở nội dung bên dưới:

Bảng 2. Bảng mô tả các biến trong các mô hình nghiên cứu

Tên biến	Diễn giải	Công thức tính	Kỳ vọng dấu	Nghiên cứu trước
TIFR	Tính kịp thời của BCTC bán niên	Logarit tự nhiên của số ngày tính từ ngày 30/6 đến ngày hoàn thành BCTC bán niên năm nay		Bannany (2008), Adebayo và Adebisi (2016), Phạm Ngọc Toàn (2016), Đoàn Thị Cẩm Thu (2018)
ISA	Yếu tố chuyên gia trong ngành của DNKT	Bằng 1 nếu DNKT là chuyên gia trong ngành, ngược lại thì bằng 0	-	Ahmad et al (2016), Habib và Bhuiyan (2011).
SIZE	Quy mô ngân hàng	Logarit tự nhiên của tổng tài sản bán niên của ngân hàng	-	Alali (2014), Fujianti và Satria, (2020), Shofiyah và Wilujeng Suryani(2020)
PRO	Lợi nhuận kinh doanh	Bằng 1 nếu lợi nhuận sau thuế bán niên của ngân hàng tăng so với cùng kỳ năm trước, ngược lại bằng 0	-	Khasharmeh và Aljifri (2010), Đoàn Thị Cẩm Thu (2018)
LEV	Đòn bẩy tài chính	Tỷ lệ nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu bán niên của các ngân hàng	+	Owusu - Ansah (2000), Ahmed và Hossain (2010), Phạm Ngọc Toàn (2016), Đoàn Thị Cẩm Thu (2018)

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thống kê mô tả và ma trận hệ số tương quan của các biến trong mô hình nghiên cứu

Dữ liệu trong bảng 3 cho thấy số ngày hoàn thành BCTC bán niên của các ngân hàng (TIFR) xoay quanh giá trị trung bình 51 ngày (chậm hơn so với thời hạn cho phép tối đa là 45 ngày). Trong

426 quan sát, có 164 trường hợp BCTC bán niên của các ngân hàng được kiểm toán bởi DNKT được xem là chuyên gia trong ngành. Bảng 3 cũng cho biết trong số 426 quan sát thì có 179 trường hợp ghi nhận được kết quả lợi nhuận sau thuế của ngân hàng tăng so với năm trước, 62 trường hợp ngân hàng có lợi nhuận sau thuế giảm so với năm trước.

Bảng 3. Thống kê mô tả các biến trong mô hình nghiên cứu

Biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
TIFR	246	50,5	21,7	9	274
SIZE	246	12,1	1,2	9,7	14,6
LEV	246	12,1	4,3	3,6	24,9
PRO	241	0,75	0,44	0	1
ISA	246	0,66	0,47	0	1

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Bảng 4 trình bày ma trận hệ số tương quan của các biến trong mô hình nghiên cứu. Ta thấy, hệ số tương quan cặp của các biến giải thích trong mô hình đều nhỏ hơn giá trị 0,8. Thêm vào đó, hệ số VIF của các biến độc lập đều nhỏ hơn 2. Do đó, mô hình ước lượng không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến. Kết quả dấu của các hệ số tương quan cặp giữa các biến giải thích và biến phụ thuộc đều thống nhất với dấu kỳ vọng đã được trình bày ở Bảng 2.

Hệ số tương quan của biến ISA và biến phụ thuộc không có ý nghĩa thống kê ở mức 10%, điều này được giải thích bởi lý do biến ISA là biến giả chỉ mang hai giá trị 0 hoặc 1 nên không có sự thay đổi đủ lớn để tạo ra mối quan hệ tuyến tính mạnh với biến phụ thuộc. Theo Fox (2016), Moore và các cộng sự (2017), hệ số tương quan đơn giản giữa một biến giả và biến phụ thuộc không phải

lúc nào cũng có ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên, trong mô hình hồi quy đa biến, các biến giả có thể có tác động đáng kể đến biến phụ thuộc khi được kiểm soát các yếu tố khác trong mô hình. Hệ số tương quan của Biến SIZE và PRO đối với biến phụ thuộc nhỏ hơn 0 (có ý nghĩa thống kê ở mức 1%). Ngược lại, hệ số tương quan của biến TIFR_{t-1} và biến phụ thuộc TIFR lớn hơn 0 (có ý nghĩa thống kê ở mức 1%). Những nội dung trên thể hiện DNKT chuyên gia, quy mô ngân hàng, lợi nhuận kinh doanh và thời gian hoàn thành BCTC của kỳ trước có quan hệ cùng chiều với tính kịp thời của BCTC bán niên ngành ngân hàng Việt Nam. Hệ số tương quan của LEV đối với biến phụ thuộc nhỏ hơn không (không có ý nghĩa thống kê ở mức 10%) thể hiện và đòn bẩy tài chính có tác động ngược chiều đến tính kịp thời của BCTC bán niên ngành ngân hàng Việt Nam.

Bảng 4. Ma trận hệ số tương quan và hệ số VIF của các biến trong mô hình hồi quy

	TIFR	TIFR _{t-1}	ISA	SIZE	PRO	LEV	VIF
TIFR	1						
TIFR _{t-1}	0,616***	1					1,12
ISA	-0,002	-0,023	1				1,12
SIZE	-0,215***	-0,203***	0,204***	1			1,26
PRO	-0,266***	0,132*	0,041	0,15**	1		1,07
LEV	0,018	0,145**	-0,224***	0,308***	0,08	1	1,22

(**), (*) và (•) tương ứng với mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%.

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

3.2. Kết quả ước lượng hồi quy

Từ kết quả Bảng 5, giá trị p của kiểm định AR(1) nhỏ hơn mức ý nghĩa 5% và giá trị p của kiểm định AR(2) lớn hơn mức ý nghĩa 5%. Điều này cho thấy mô hình có sự tự tương quan bậc 1 nhưng không có sự tự tương quan bậc 2 trong phần

dur. Kiểm định Sargan và Hansen đều có giá trị p lớn hơn mức ý nghĩa 5% cho thấy các biến công cụ trong mô hình là phù hợp. Giá trị p của kiểm định F nhỏ hơn mức ý nghĩa 1%, chứng tỏ mô hình đạt yêu cầu về sự phù hợp. Số lượng biến công cụ không vượt quá số nhóm quan sát. Ngoài ra, dấu

các hệ số của các biến độc lập từ kết quả ước lượng trong Bảng 4. Do đó, mô hình có độ tin cậy cao để đều đồng nhất với kết quả phân tích tương quan thực hiện phân tích.

Bảng 5. Kết quả ước lượng hồi quy bằng phương pháp SGMM

Biến	Hệ số	Độ lệch tiêu chuẩn	Thống kê z	P> z
TIFR _{t-1}	0,44***	0,15	2,87	0,004
ISA	-7,68***	3,08	-2,50	0,013
SIZE	-1,66*	0,91	-1,82	0,069
PRO	-3,33***	0,87	-3,81	0,000
LEV	0,03	0,16	0,20	0,840
Hệ số góc	55,55***	18,13	3,22	0,001
AR(1)			0,006	
AR(2)			0,064	
Kiểm định Sargan			0,698	
Kiểm định Hansen			0,947	
Kiểm định F			0,000	
Số biến công cụ			24	
Số nhóm			26	

(***), (**) và (*) tương ứng với mức ý nghĩa 1%, 5% và 10%.

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Hệ số của biến ISA bằng -7,68 nhỏ hơn 0 và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1%. Điều này thể hiện yếu tố DNKT chuyên gia có ảnh hưởng cùng chiều đến tính kịp thời của BCTC bán niên các ngân hàng, BCTC bán niên của các ngân hàng được kiểm toán bởi các DNKT chuyên gia trong ngành thì có thời gian hoàn thành sớm hơn so với các trường hợp được kiểm toán bởi các DNKT khác. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu của Habib và Bhuiyan (2011), Ahmad et al (2016). Từ đó, giả thuyết H1 có đủ cơ sở để được chấp nhận:

H1: Yếu tố DNKT chuyên gia trong ngành ảnh hưởng cùng chiều đến tính kịp thời của BCTC bán niên.

Hệ số của biến TIFR_{t-1} bằng 0,44 lớn hơn 0 và có ý nghĩa thống kê ở mức 1%. Kết quả này thể hiện tính kịp thời của BCTC bán niên trong kỳ bị ảnh hưởng cùng chiều bởi thời gian hoàn thành BCTC bán niên của kỳ trước đó, các DNKT căn cứ số ngày hoàn thành BCTC bán niên của kỳ trước để hoàn thành BCTC bán niên trong kỳ với thời gian bằng hoặc trễ hơn tối đa 01 ngày.

Các biến SIZE và PRO được đưa vào mô hình đều có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa lần lượt là 10% và 1%. Hệ số của biến SIZE có giá trị là -1,66 nhỏ hơn 0 cho thấy, quy mô tổng tài sản ngân hàng có tác động cùng chiều đến tính kịp thời của BCTC bán niên, ngân hàng có quy mô tổng tài sản càng lớn thì thời gian hoàn thành BCTC bán niên càng nhanh, và ngược lại. Kết quả này ủng hộ cho

quan điểm của Ika và Ghazali (2012), các công ty có quy mô lớn sẽ có hệ thống kế toán chuyên nghiệp hơn với sự hỗ trợ của phần mềm kế toán được đầu tư hiện đại và đội ngũ kế toán viên nhiều hơn công ty nhỏ, do vậy, thời gian lập báo cáo tài chính và hoàn thành BCTC sẽ nhanh hơn. Alali và Elder (2014), Fujianti và Satria (2020), Shofiyah và Wilujeng Suryani (2020) cũng đã tìm thấy các bằng chứng tương tự trong nghiên cứu của mình. Hệ số của biến PRO bằng -3,33 nhỏ hơn 0 cho thấy lợi nhuận sau thuế bán niên của ngân hàng tác động cùng chiều đến tính kịp thời của BCTC bán niên, ngân hàng có lợi nhuận sau thuế bán niên trong kỳ tăng hơn so với kỳ trước thì sẽ có thời gian hoàn thành BCTC bán niên càng nhanh, và ngược lại. Kết quả trên tương đồng với kết quả nghiên cứu của Khasharmeh và Aljifri (2010), Đoàn Thị Cẩm Thư (2018).

Hệ số của biến LEV bằng 0,03 và không có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 10%. Kết quả này khác với nghiên cứu của Owusu-Ansah (2000), Ahmed và Hossain (2010), Phạm Ngọc Toàn (20116). Đối với các ngân hàng thương mại, nguồn vốn nợ phải trả lớn hơn gấp nhiều lần so với nguồn vốn chủ sở hữu là tính chất đặc thù của ngành, bởi vì các ngân hàng chủ yếu sử dụng nguồn vốn được huy động từ tiền gửi của khách hàng, phát hành các loại giấy tờ có giá,... để cho vay. Kết quả này tương đồng với bằng chứng được tìm thấy trong nghiên cứu của Adebayo và Adebisi (2016).

4. KẾT LUẬN

4.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu này đã chỉ ra DNKT chuyên gia trong ngành có ảnh hưởng cùng chiều đến tính kịp thời của BCTC bán niên các ngân hàng, BCTC bán niên của các ngân hàng được kiểm toán bởi các DNKT chuyên gia trong ngành thì có thời gian hoàn thành sớm hơn so với các trường hợp được kiểm toán bởi các DNKT khác. Tính kịp thời của BCTC bán niên các ngân hàng còn chịu tác động bởi các yếu tố: Quy mô ngân hàng, Lợi nhuận kinh doanh và Thời gian hoàn thành BCTC bán niên của kỳ trước. Các yếu tố này đều có ảnh hưởng cùng chiều đến tính kịp thời của BCTC bán niên ngành ngân hàng, trong đó, DNKT chuyên gia là yếu tố có tác động lớn nhất.

4.2. Hàm ý

Đối với các ngân hàng thương mại, việc thuê các DNKT được xem là chuyên gia trong ngành ngân hàng có thể cải thiện thời gian hoàn thành BCTC bán niên. Đồng thời, các nhà quản lý ngân hàng cần tìm cách mở rộng quy mô tổng tài sản và tăng cường lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh. Điều này sẽ góp phần giúp BCTC bán niên được hoàn thành và công bố đúng hạn.

Đối với các nhà đầu tư, nếu một ngân hàng

chậm trễ trong việc công bố BCTC bán niên (vượt quá thời gian quy định hoặc chậm trễ nhiều ngày so với kỳ trước), điều này có thể là dấu hiệu ngân hàng đang gặp khó khăn trong kết quả kinh doanh. Do đó, các nhà đầu tư nên thu thập thêm thông tin để xác minh và đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý.

4.3. Hạn chế và đề xuất hướng nghiên cứu

Nghiên cứu này có điểm hạn chế là chưa đưa ra được cơ sở lý luận thuyết phục để giải thích Tại sao DNKT chuyên gia lại có tác động tích cực mà nhóm tác giả chỉ căn cứ vào kết quả nghiên cứu thực nghiệm và lập luận được đưa ra trong các nghiên cứu của Habib và Bhuiyan (2011), Ahmad et al (2016) để xây dựng giả thuyết nghiên cứu. Bên cạnh đó, nghiên cứu chưa kiểm tra tính vững của kết quả hồi quy bằng cách thay đổi phương pháp ước lượng hoặc biến. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chưa đi sâu vào tìm hiểu bối cảnh thực trạng của các ngân hàng Việt Nam, môi trường pháp lý, quy định về kiểm toán, hoặc tính chất đặc thù của các DNKT tại Việt Nam để từ đó có thể đề xuất những gợi ý chính sách cho cơ quan quản lý. Vì vậy, các nghiên cứu trong tương lai có thể khai thác những điểm này để mở rộng thêm hướng nghiên cứu tiếp theo.

IMPACT OF INDUSTRY SPECIALIST AUDITORS ON THE TIMELINESS OF INTERIM FINANCIAL REPORTS IN VIETNAMESE BANKS

Pham Thanh Hung¹, Nguyen Thi Tra Giang¹, Bui Thi Thanh Thuy¹, Vo Xuan Hoi¹

Received Date: 01/11/2024; Revised Date: 11/02/2025; Accepted for Publication: 01/04/2025

ABSTRACT

This study examines the impact of industry specialist auditors (ISA) on the timeliness of semi-annual financial reports (TIFR) at 27 commercial banks in Vietnam during the period 2014 - 2023. The empirical results based on the System Generalized Method of Moments (SGMM) estimation show that ISA have a positive impact on TIFR. In addition, factors such as the completion time of the previous semi-annual financial reports, total assets, and business performance also contribute to improving TIFR. The study also provides suggestions for bank managers to enhance TIFR, as well as recommendations for investors when considering banks with delays in publishing their semi-annual financial reports.

Keywords: Commercial banks, industry specialist auditor, timeliness.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đoàn Thị Cẩm Thư (2018). Các nhân tố ảnh hưởng đến tính kịp thời của báo cáo tài chính – Bằng chứng từ các công ty niêm yết ở Việt Nam. *Tạp chí Công nghệ ngân hàng*, 145, 32-38.
- Phạm Ngọc Toàn (2016). Các nhân tố ảnh hưởng đến tính kịp thời của báo cáo tài chính các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Phát triển Kinh tế*, 27(10), 76-93.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2007). *Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 ban hành chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng*. Hà Nội.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2014). *Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 và hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước*. Hà Nội.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2023). Hệ thống các tổ chức tín dụng. https://www.sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/menu/fm/htctctd?_afrLoop=11177103678857755#%40%3F_afrLoop%3D11177103678857755%26centerWidth%3D80%2525%26leftWidth%3D20%2525%26rightWidth%3D0%2525%26howFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D1ct5xwt21r_131
- Abidin, A., Ahmad-Zaluki, N, A. (2012). Auditor Industry Specialism and Reporting Timeliness. *Procedia – Social and Behavioral Sciences*. 65, 873-878.
- Adebayo, P. A., & Adebisi, W. K. (2016). Effect of Firm Characteristics on The Timeliness of Corporate Financial Reporting: Evidence From Nigerian Deposit Money Banks. *International Journal of Economics, Commerce and Management*, IV(3), 369-381.
- Ahmad, M., Mohamed, H., Nelson, S. P. (2016). The association between industry specialist auditor and financial reporting timeliness – post MFRS Period. *Procedia – Social and Behavioral Sciences*. 219, 55-62.
- Ahmed, A. A. A., & Hossain, M. S. (2010). Audit report lag: A study of the Bangladeshi listed companies. *ASA University Review*, 4(2), 49-55.
- Alali, F. A., & Elder, R. J. (2014). Determinants of audit report lag in the banking industry: updated evidence. *International Journal of Accounting, Auditing and Performance Evaluation*, 10(4), 364-394.
- Arellano, M., & Bover, O. (1995). Another look at the instrumental variable estimation of error components models. *Journal of Econometrics*, 68(1), 29–51.
- Arifuddin, Hanafi, K., & Usman, A. (2017). Company size, profitability, and auditor opinion influence

¹Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Pham Thanh Hung; Phone: 0937773988; Email: pthung@ttn.edu.vn

- to audit report lag on registered manufacturing companies in Indonesia stock exchange. *International Journal of Applied Business and Economic Research*, 15(19), 353–367.
- Baltagi, B. H. (2008). *Econometric Analysis of Panel Data*. New York: John Wiley & Sons, Chichester.
- Blundell, R., & Bond, S. (1998). Initial conditions and moment restrictions in dynamic panel data models. *Journal of Econometrics*, 87(1), 115–143.
- El-Bannany, M. (2008). Factors affecting audit report lag in banks: The Egyptian case. *Corporate Ownership & Control*, 5(3), 54-61.
- Febriyanti, G. A. (2022). Audit opinion and audit report lag. *Jurnal Akuntansi dan Pajak*, 23(1), 1-6.
- Fox, J. (2016). *Applied Regression Analysis and Generalized Linear Models* (3rd ed.). Sage Publications.
- Fujianti, L., & Satria, I. (2020). Firm size, profitability, leverage as determinants of audit report lag: Evidence from Indonesia. *International Journal of Financial Research*, 11(2).
- Habib, A., Bhuiyan, M. B. U. (2011). Audit firm industry specialization and the audit report lag. *Journal of International Accounting, Auditing and Taxation*. 20(1), 32-44.
- Ika, S. R., & Ghazali, N. A. (2012). Audit committee effectiveness and timeliness of reporting: Indonesian evidence. *Managerial Auditing Journal*, 27(4), 403-424.
- Khasharmeh, H. A. and Aljifri, K. (2010). The timeliness of annual reports in Bahrain and the United Arab Emirates: An empirical comparative study. *The International Journal of Business and Finance Research*, 4(1), 51-71.
- Khoufi, N., & Khoufi, W. (2018). An empirical examination of the determinants of audit report delay in France. *Managerial Auditing Journal*, 33(8–9), 700–714.
- Mohd Iskandar, T., Aman, A. (2003). Audit Market Share and Auditor's Industry Specialisation: Effects of Different Measurement. *Asian Academy of Management Journal*. 8(1), 1-15.
- Moore, D. S., McCabe, G. P., & Craig, B. A. (2017). *Introduction to the Practice of Statistics* (9th ed.). W.H. Freeman and Company.
- Owusu-Ansah, S. (2000). Timeliness of corporate financial reporting in emerging capital markets: Empirical evidence from the Zimbabwe stock exchange. *Accounting and Business Research*, 30(3), 241-254.
- Rahmat, M. M., & Mohd Iskandar, T. (2004). Audit Fee Premiums from Brand Name, Industry Specialization and Industry Leadership: A study of the Post Big 6 Merger in Malaysia. *Asian Review of Accounting*. 12(2), 1-24.
- Shofiyah, L., & Wilujeng Suryani, A. (2020). Audit Report Lag and Its Determinants. *KnE Social Sciences*, 2020(29), 202–221.